



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã được soát xét*

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)

Trụ sở chính: 29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh. Tel: (84 8) 3910 3908 - 3910 4881 / Fax: (84 8) 3910 4880
CN Hà Nội: Số 15, Ngõ 640, Đường Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội. Tel: (84 4) 3793 1428 / Fax: (84 4) 3793 1429

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 5
Báo cáo kết quả công tác soát xét	6
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	7 – 42
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 – 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 – 13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	14 – 42



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam, trước đây là Công ty Cổ phần Alphanam Công nghiệp, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0503000009 ngày 30 tháng 11 năm 2001. Công ty Cổ phần Alphanam Công nghiệp đổi tên thành Công ty Cổ phần Alphanam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 03 ngày 24 tháng 11 năm 2006 và đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0900191660 thay đổi lần thứ 12 ngày 10 tháng 8 năm 2012. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 12.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là **1.924.844.130.000** đồng.

Hoạt động chính của Công ty và các Công ty con trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 bao gồm:

- Buôn bán các tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua bán các loại hàng hóa;
- Buôn bán tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp đến 35KV;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, cơ điện (sản xuất lắp ráp tủ bảng điện trung và hạ thế, tủ điều khiển, hòm công tơ, tủ chiếu sáng, chi tiết cơ khí, phụ tùng linh kiện ngành điện và các sản phẩm cơ khí tiêu dùng khác);
- Sản xuất, lắp đặt thang máy;
- Buôn bán máy móc, thiết bị;
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Cho thuê: xe ô tô, phương tiện vận chuyển;
- Sản xuất bao bì từ plastic;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Buôn bán gạo;
- Kinh doanh bất động sản trong và ngoài nước (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Kinh doanh vật tư thiết bị phục vụ sản xuất và kinh doanh cho ngành giao thông vận tải, công nghiệp, điện, xây dựng và du lịch. Đại lý mua bán ký gửi hàng hoá. Mua bán ô tô, xe máy và các loại phương tiện chuyên dùng khác. Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu điện tử, dệt may, cơ khí. Dịch vụ sửa chữa, bảo hành xe ô tô, xe máy. In ấn bao bì. Sản xuất kinh doanh thiết bị điện công nghiệp, vật liệu xây dựng (trừ gạch, cát, sạn, xi măng). Sản xuất, kinh doanh, lắp đặt thang máy. Kinh doanh vật tư thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh và lắp đặt thang máy. Sản xuất, kinh doanh sơn, bột bả. Sản xuất và kinh doanh thiết bị điện và vật liệu viễn thông. Kinh doanh vật tư nông nghiệp, lâm sản (gỗ có nguồn gốc hợp pháp). Buôn bán vật tư, phân bón, quặng kim loại, phôi thép, sắt thép, hạt nhựa, than, giấy, hoá chất. Chế biến lương thực, phân bón, quặng kim loại, hạt nhựa, than, giấy, hoá chất.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 42).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Trong kỳ, Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam thực hiện chuyển nhượng 19.850.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam cho Ông Nguyễn Hữu Việt với giá chuyển nhượng là 27.095 đồng/cổ phiếu theo hợp đồng nguyên tắc số 23/HĐCP/DT-NHV ngày 27 tháng 6 năm 2013. Đến ngày 07 tháng 08 năm 2013, Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam và Ông Nguyễn Hữu Việt đã có thỏa thuận về việc hủy và không thực hiện hợp đồng chuyển nhượng nêu trên. Do vậy, giao dịch chuyển nhượng cổ phần này không được thực hiện trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Trong kỳ, Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam thực hiện chuyển nhượng 2.190.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên cho Ông Nguyễn Tuấn Anh với giá chuyển nhượng là 34.730 đồng/cổ phiếu theo hợp đồng nguyên tắc số 24/HĐCP/DO-NTA ngày 27 tháng 6 năm 2013. Đến ngày 09 tháng 08 năm 2013, Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam và Ông Nguyễn Tuấn Anh đã có thỏa thuận về việc hủy và không thực hiện hợp đồng chuyển nhượng nêu trên. Do vậy, giao dịch chuyển nhượng cổ phần này không được thực hiện trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Hải	Chủ tịch
Ông Tạ Quốc Khánh	Ủy viên
Ông Bùi Hoàng Tuấn	Ủy viên
Ông Nguyễn Tuấn Phương	Ủy viên
Bà Bùi Kim Yến	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Nhật	Ủy viên
Ông Nguyễn Trần Đại	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Hoàng Tuấn	Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Minh Anh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Bùi Kim Yến	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hưng Yên, ngày 26 tháng 8 năm 2013

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Bùi Hoàng Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam kèm theo. Báo cáo này đã phản ánh trung thực hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, phù hợp với các chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hưng Yên, ngày 26 tháng 8 năm 2013

TM. Hội đồng quản trị

Chủ tịch



Nguyễn Tuấn Hải

Số: 290/2013/BCSX-AASCN

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
*về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến 30 tháng 6 năm 2013 của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam*

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam được lập ngày 20 tháng 8 năm 2013 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 được trình bày từ trang 07 đến trang 42 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2013

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Giám đốc



Bùi Ngọc Vương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

Kiểm toán viên



Bùi Ngọc Hà

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 * Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn * Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 * Fax: (84-04) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.145.233.120.057	1.431.880.954.644
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	26.728.456.536	36.628.586.637
1.	Tiền	111		18.628.456.536	22.562.846.637
2.	Các khoản tương đương tiền	112		8.100.000.000	14.065.740.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	72.461.620.144	72.497.047.878
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		72.464.407.344	72.499.815.478
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(2.787.200)	(2.767.600)
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		412.571.971.601	569.030.227.866
1.	Phải thu khách hàng	131		374.952.529.193	534.547.057.579
2.	Trả trước cho người bán	132		86.240.183.184	78.474.059.733
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.03	40.809.763.434	44.615.515.361
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(89.430.504.210)	(88.606.404.807)
IV.	Hàng tồn kho	140		583.725.650.977	699.559.220.798
1.	Hàng tồn kho	141	V.04	583.725.650.977	699.559.220.798
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		49.745.420.799	54.165.871.465
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		772.450.803	387.858.255
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.547.581.277	13.716.643.373
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	4.464.833.806	3.844.573.333
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158		37.960.554.913	36.216.796.504

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.950.694.517.848	2.051.657.369.786
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		291.844.137.387	306.021.738.372
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	102.066.681.324	117.779.519.274
	- Nguyên giá	222		218.822.956.895	241.524.985.736
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(116.756.275.571)	(123.745.466.462)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.07	3.392.501.413	3.721.629.583
	- Nguyên giá	225		4.798.554.322	4.798.554.322
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(1.406.052.909)	(1.076.924.739)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.08	149.939.643.656	150.026.412.785
	- Nguyên giá	228		150.557.461.504	150.750.729.985
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(617.817.848)	(724.317.200)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	36.445.310.994	34.494.176.730
III.	Bất động sản đầu tư	240	V.10	9.185.674.916	9.204.704.414
1.	Nguyên giá	241		10.077.389.298	10.077.389.298
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(891.714.382)	(872.684.884)
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		181.561.834.504	183.094.990.097
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.11	106.634.933.026	114.294.745.561
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	77.000.244.536	77.000.244.536
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	V.13	(2.073.343.058)	(8.200.000.000)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		19.081.980.354	21.242.417.346
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	18.461.526.994	20.641.163.986
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		620.453.360	601.253.360
VI.	Lợi thế thương mại	269	V.15	1.449.020.890.687	1.532.093.519.557
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.095.927.637.905	3.483.538.324.430

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		1.055.924.872.019	1.325.895.619.273
I.	Nợ ngắn hạn	310		973.951.005.407	1.251.398.012.629
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	342.887.357.581	542.452.991.054
2.	Phải trả người bán	312		192.035.686.917	212.755.360.040
3.	Người mua trả tiền trước	313		238.924.357.370	298.624.599.235
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	29.758.074.526	37.423.641.089
5.	Phải trả người lao động	315		8.003.478.137	10.288.071.091
6.	Chi phí phải trả	316	V.18	18.202.990.480	19.435.147.392
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	130.435.734.069	116.250.132.562
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		10.991.145.573	11.423.889.412
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.712.180.754	2.744.180.754
II.	Nợ dài hạn	330		81.973.866.612	74.497.606.644
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		6.433.213.851	6.821.751.865
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.20	41.113.114.344	35.727.046.111
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	17.498.946.193	18.026.488.786
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		16.928.592.224	13.922.319.882
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.870.593.535.053	1.974.163.296.630
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.22	1.870.593.535.053	1.974.163.296.630
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.924.844.130.000	1.924.844.130.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		74.155.820.000	74.155.820.000
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		4.649.596.131	4.649.596.131
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		435.087.979	435.087.979
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		5.914.670.142	5.914.670.142
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(139.405.769.199)	(35.836.007.622)
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		169.409.230.833	183.479.408.527
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.095.927.637.905	3.483.538.324.430

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		2.534.918.757	1.308.915.648
5.	Ngoại tệ các loại			
	USD		49.261,11	2.753,72
	EUR		228,04	8,18
	JPY		-	2.377.177,00
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Hưng Yên, ngày 20 tháng 8 năm 2013

Kế toán trưởng**Tổng Giám đốc****Bùi Kim Yên****Bùi Hoàng Tuấn**20
H
IG
T
H
KI
AN
AY

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	738.887.863.443	355.965.442.489
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	1.826.235.726	5.510.587.455
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	737.061.627.717	350.454.855.034
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.04	686.535.126.564	326.392.933.482
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		50.526.501.153	24.061.921.552
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	2.747.655.541	1.172.498.841
7.	Chi phí tài chính	22	VI.06	24.973.673.947	24.510.299.443
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		30.384.107.146	24.686.596.204
8.	Chi phí bán hàng	24		19.610.989.677	9.504.487.667
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.07	104.093.966.283	16.836.156.821
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(95.404.473.212)	(25.616.523.538)
11.	Thu nhập khác	31		5.495.159.534	4.347.603.236
12.	Chi phí khác	32		8.566.689.231	4.166.370.138
13.	Lợi nhuận khác	40		(3.071.529.697)	181.233.098
14.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(7.659.812.535)	(29.031.456.247)
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(106.135.815.444)	(54.466.746.687)
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	2.095.064.452	988.097.383
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.09	(527.542.593)	(2.303.747.127)
18.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(107.703.337.303)	(53.151.096.943)
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(4.133.575.726)	(7.498.019.617)
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		(103.569.761.577)	(45.653.077.326)
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(538)	(670)

Hưng Yên, ngày 20 tháng 8 năm 2013

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Bùi Kim Yến



Bùi Hoàng Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		(106.135.815.444)	(54.466.746.687)
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		9.682.485.066	3.291.304.347
-	Các khoản dự phòng	03		(5.302.537.939)	(2.656.758.610)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		8.817.121	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		897.020.957	(846.362.878)
-	Chi phí lãi vay	06		30.384.107.146	24.686.596.204
3.	Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		(70.465.923.094)	(29.991.967.624)
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		231.212.304.112	159.159.350.536
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		115.833.569.821	(49.818.493.393)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(72.980.029.488)	(16.193.749.594)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.795.044.444	(35.982.616.497)
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(31.057.713.640)	(25.184.882.790)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4.282.898.610)	(3.701.844.028)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.637.924.359	12.537.301.306
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(719.827.801)	(1.403.906.985)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		170.972.450.103	9.419.190.931
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(2.062.424.900)	(4.200.735.782)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		3.638.009.090	2.500.400.105
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(29.850.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.495.408.134	28.584.700.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(66.686.535.288)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	34.067.927.282
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.235.780.107	347.916.391
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		13.306.772.431	(35.236.327.292)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp, đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		214.846.849.252	804.867.997.219
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(408.913.768.021)	(305.656.640.343)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(112.646.471)	(968.758.340)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(2.336.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(194.179.565.240)	495.906.598.536
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(9.900.342.706)	470.089.462.175
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		36.628.586.637	49.967.120.314
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		212.605	(144.669)
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		26.728.456.536	520.056.437.820

Kế toán trưởng



Bùi Kim Yến

Hưng Yên, ngày 20 tháng 8 năm 2013

Tổng Giám đốc



Bùi Hoàng Tuấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, dịch vụ, kinh doanh bất động sản và đầu tư tài chính.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty và các Công ty con trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 bao gồm:

- Buôn bán các tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua bán các loại hàng hóa;
- Buôn bán tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp đến 35KV;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, cơ điện (sản xuất lắp ráp tủ bảng điện trung và hạ thế, tủ điều khiển, hòm công tơ, tủ chiếu sáng, chi tiết cơ khí, phụ tùng linh kiện ngành điện và các sản phẩm cơ khí tiêu dùng khác);
- Sản xuất, lắp đặt thang máy;
- Buôn bán máy móc, thiết bị;
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Cho thuê: xe ô tô, phương tiện vận chuyển;
- Sản xuất bao bì từ plastic;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Buôn bán gạo;
- Kinh doanh bất động sản trong và ngoài nước (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Kinh doanh vật tư thiết bị phục vụ sản xuất và kinh doanh cho ngành giao thông vận tải, công nghiệp, điện, xây dựng và du lịch. Đại lý mua bán ký gửi hàng hoá. Mua bán ô tô, xe máy và các loại phương tiện chuyên dùng khác. Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu điện tải, dệt may, cơ khí. Dịch vụ sửa chữa, bảo hành xe ô tô, xe máy. In ấn bao bì. Sản xuất kinh doanh thiết bị điện công nghiệp, vật liệu xây dựng (trừ gạch, cát, sạn, xi măng). Sản xuất, kinh doanh, lắp đặt thang máy. Kinh doanh vật tư thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh và lắp đặt thang máy. Sản xuất, kinh doanh sơn, bột bả. Sản xuất và kinh doanh thiết bị điện và vật liệu viễn thông. Kinh doanh vật tư nông nghiệp, lâm sản (gỗ có nguồn gốc hợp pháp). Buôn bán vật tư, phân bón, quặng kim loại, phôi thép, sắt thép, hạt nhựa, than, giấy, hoá chất. Chế biến lương thực, phân bón, quặng kim loại, hạt nhựa, than, giấy, hoá chất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

04. Thông tin về Công ty con được hợp nhất

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ		Quyền kiểm soát của Công ty mẹ	
		Tại ngày 30/06/2013	Tại ngày 01/01/2013	Tại ngày 30/6/2013	Tại ngày 01/01/2013
I. Các Công ty đầu tư trực tiếp					
1. Công ty Liên doanh Fuji – Alpha	Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	88,49%	88,49%	88,49%	88,49%
2. Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện	79 Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	64,99%	63,32%	67,50%	63,33%
3. Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam	Số 33 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	99,67%	99,67%	99,67%	99,67%
4. Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco	Số 2, khu công nghiệp Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng	77,02%	77,02%	77,02%	77,02%
5. Công ty Cổ phần Đô thị Hanel – Alphanam	Số 33 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	100%	100%	80%	80%
II. Các Công ty đầu tư gián tiếp					
1. Công ty Cổ phần Alphanam Xây dựng (Trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Hạ tầng Vinaconex – Alphanam)	Số 33 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	43,89%	63,66%	65,04%	63,81%
2. Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	Số 2 Đại Cồ Việt, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	93,33%	58,32%	97,20%	97,20%
3. Công ty Cổ phần Alpha Nam Sài Gòn	Lô III – 14, nhóm Công nghiệp III, khu Công nghiệp Tân Bình, đường số 1, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh	88,47%	88,47%	99,97%	99,97%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ		Quyền kiểm soát của Công ty mẹ	
		Tại ngày 30/06/2013	Tại ngày 01/01/2013	Tại ngày 30/6/2013	Tại ngày 01/01/2013
4. Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	99,63%	99,63%	99,96%	99,66%
5. Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 118 - Momota (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hạ tầng Alphanam)	Số 33 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	53,41%	53,60%	53,78%	53,78%
6. Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên	Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	98,49%	98,49%	99,50%	99,50%
7. Công ty Cổ phần Xây dựng Hà Tây	Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	55,57%	65,89%	85,00%	85,00%
8. Công ty TNHH MTV Thực phẩm Foodinco	Số 51 Yết Kiêu, phường Thọ Quang, Quận Sơn trà, Thành phố Đà Nẵng	77,02%	77,02%	100%	100%
9. Công ty Cổ phần Foodinco miền Trung	Số 2, khu công nghiệp Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng	76,66%	76,66%	99,53%	99,53%
10. Công ty Cổ phần Foodinco Tây Nguyên	Số 57 đường Ngô Quyền, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	57,77%	57,77%	75,00%	75,00%
11. Công ty TNHH MTV Foodinco Nha Trang	172 đường 2/4 phường Vĩnh Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	57,77%	57,77%	100%	100%
12. Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào	Số 33 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	46,99%	43,41%	54,83%	55,34%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

05. Thông tin về Công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ

Tên Công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại ngày 30/6/2013
Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam	Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	35,00%
Công ty Cổ phần Sao Đỏ Đà Nẵng	Số 10 Hải Phòng, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	30,00%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tại thời điểm cuối kỳ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán.

03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định cụ thể như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	6 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	5 – 7 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 7 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 – 5 năm
- TSCĐ hữu hình khác	5 – 6 năm
- Phần mềm kế toán	5 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đối với quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Trong kỳ, Công ty áp dụng các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013, Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Theo đó, đối với các tài sản cố định có nguyên giá từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng Công ty đang theo dõi, quản lý và trích khấu hao theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC nay không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định thì giá trị còn lại của các tài sản này ghi nhận là khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thời gian phân bổ không quá 3 năm kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

06. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán mà không thể thu thập được giá trị thị trường của chúng khoán thì không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính và các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

07. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

08. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chờ phân bổ;
- Lợi thế vị trí địa lý quyền sử dụng đất tại số 2 Đại Cồ Việt, Hà Nội phát sinh khi cổ phần hóa;
- Chi phí sửa chữa;
- Chi phí bảo hiểm;
- Chi phí khác.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

09. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh lớn hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng (nếu có) của bên bị mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ là 10 năm.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác và các quỹ của chủ sở hữu được bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Hiện tại, Công ty mẹ và Công ty con đang được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN như sau:

Đối với Công ty Liên doanh Fuji – Alpha:

Công ty được áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2005). Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2007 là năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế) và giảm 50% trong 07 (bảy) năm tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	9.031.338.556	3.122.740.228
- Tiền gửi ngân hàng	9.597.117.980	19.440.106.409
- Tương đương tiền	8.100.000.000	14.065.740.000
Cộng	26.728.456.536	36.628.586.637

02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

		<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư ngắn hạn		72.464.407.344		72.499.815.478
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		4.407.344		4.407.344
+ Ngân hàng TMCP Á Châu	98	4.365.000	98	4.365.000
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	5	42.344	5	42.344
- Đầu tư ngắn hạn khác		72.460.000.000		72.495.408.134
+ Tiền gửi có kỳ hạn		15.000.000.000		15.000.000.000
+ Cho vay ngắn hạn		57.460.000.000		57.495.408.134
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(2.787.200)		(2.767.600)
Cộng		72.461.620.144		72.497.047.878

03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu của người lao động	1.131.412.268	884.677.551
- Phải thu khác	39.678.351.166	43.730.837.810
+ Công ty CP Động Lực	-	10.460.000.000
+ Công ty CP Đầu tư XDHT Kinh doanh Đô thị	10.738.464.939	-
+ Các đối tượng khác	28.939.886.227	33.270.837.810
Cộng	40.809.763.434	44.615.515.361

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Hàng mua đang đi đường	16.591.179.797	169.309.709
- Nguyên liệu, vật liệu	84.908.709.190	85.788.573.850
- Công cụ, dụng cụ	1.627.960.816	1.720.529.595
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	362.799.452.251	448.208.339.557
- Thành phẩm	31.168.372.546	31.314.432.695
- Hàng hoá	50.949.848.219	94.070.407.234
- Hàng gửi đi bán	40.428.237	40.428.237
- Hàng hoá bất động sản	35.639.699.921	38.247.199.921
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	<u>583.725.650.977</u>	<u>699.559.220.798</u>

05. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế GTGT đầu ra nộp thừa	901.683.714	408.702.234
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	3.486.159.225	3.435.871.099
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	1.013.094	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất nộp thừa	75.977.773	-
Cộng	<u>4.464.833.806</u>	<u>3.844.573.333</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	73.499.750.755	115.973.836.624	38.379.791.403	12.961.600.766	710.006.188	241.524.985.736
- Mua trong kỳ	-	21.577.000	-	89.713.636	-	111.290.636
- Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Phân loại lại	(19.863.633)	19.863.633	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(11.584.793.780)	(4.873.956.901)	(780.749.195)	-	(17.239.499.876)
- Giảm do không đủ điều kiện ghi nhận	(215.884.872)	(1.825.515.903)	(73.459.987)	(3.431.686.112)	(27.272.727)	(5.573.819.601)
Số dư cuối kỳ	73.264.002.250	102.604.967.574	33.432.374.515	8.838.879.095	682.733.461	218.822.956.895
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	29.493.520.630	61.939.152.547	24.024.582.674	7.783.680.400	504.530.211	123.745.466.462
- Khấu hao trong kỳ	2.553.260.433	4.254.379.911	1.856.376.005	582.222.648	34.882.330	9.281.121.327
- Phân loại lại	(155.794.416)	155.794.416	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(7.393.614.584)	(3.341.418.335)	(733.376.585)	-	(11.468.409.504)
- Giảm do không đủ điều kiện ghi nhận	(192.568.767)	(1.521.372.307)	(72.334.852)	(2.988.354.061)	(27.272.727)	(4.801.902.714)
Số dư cuối kỳ	31.698.417.880	57.434.339.983	22.467.205.492	4.644.172.402	512.139.814	116.756.275.571
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	44.006.230.125	54.034.684.077	14.355.208.729	5.177.920.366	205.475.977	117.779.519.274
2. Tại ngày cuối kỳ	41.565.584.370	45.170.627.591	10.965.169.023	4.194.706.693	170.593.647	102.066.681.324

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính			
Số dư đầu năm	1.507.272.728	3.291.281.594	4.798.554.322
- Thuê tài chính trong kỳ	-	-	-
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.507.272.728	3.291.281.594	4.798.554.322
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	1.076.924.739	1.076.924.739
- Khấu hao trong kỳ	-	329.128.170	329.128.170
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	1.406.052.909	1.406.052.909
Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính			
1. Tại ngày đầu năm	1.507.272.728	2.214.356.855	3.721.629.583
2. Tại ngày cuối kỳ	1.507.272.728	1.885.228.685	3.392.501.413

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
Số dư đầu năm	149.642.090.000	1.108.639.985	150.750.729.985
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-
- Tăng do xác định giá trị hợp lý khi hợp nhất kinh doanh	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	(193.268.481)	(193.268.481)
Số dư cuối kỳ	149.642.090.000	915.371.504	150.557.461.504
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	724.317.200	724.317.200
- Khấu hao trong kỳ	-	53.206.071	53.206.071
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	(159.705.423)	(159.705.423)
Số dư cuối kỳ	-	617.817.848	617.817.848
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	149.642.090.000	384.322.785	150.026.412.785
2. Tại ngày cuối kỳ	149.642.090.000	297.553.656	149.939.643.656

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí mua văn phòng tại Hồ Chí Minh	2.873.846.039	907.530.331
- Dự án nhà ở, chung cư Cổ Nhuế	3.105.522.000	3.105.522.000
- Dự án Nhà ở chia lô Xuân Phương	785.215.200	785.215.200
- Dự án Khu đô thị Trung Hưng Sơn Tây	6.134.184.659	6.134.184.659
- Dự án Khách sạn Đông Dương	61.052.000	61.052.000
- Xây dựng khu văn phòng Công ty CP 118	17.276.909	17.276.909
- Dự án xây dựng cao ốc tại 58 Bạch Đằng	5.325.018.113	5.325.018.113
- Công trình Bình Minh - Cao Viên	17.770.456.750	17.840.957.608
- Khác	372.739.324	317.419.910
Cộng	36.445.310.994	34.494.176.730

10. Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Nhà	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	6.531.047.346	3.546.341.952	10.077.389.298
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-
- Chuyển sang hàng hóa BĐS	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	6.531.047.346	3.546.341.952	10.077.389.298
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	872.684.884	872.684.884
- Khấu hao trong kỳ	-	19.029.498	19.029.498
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	891.714.382	891.714.382
Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	6.531.047.346	2.673.657.068	9.204.704.414
2. Tại ngày cuối kỳ	6.531.047.346	2.654.627.570	9.185.674.916

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty CP Sao Đỏ Đà Nẵng	120.000	12.332.021.404	1.200.000	12.429.713.477
- Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam		94.302.911.622		101.865.032.084
Cộng		106.634.933.026		114.294.745.561

12. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		10.000.244.536		10.000.244.536
- Công ty CP viễn thông Thăng Long	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
- Công ty CP Xây dựng 565	26	244.536	26	244.536
Đầu tư dài hạn khác		67.000.000.000		67.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Quản lý và phát triển nhà Hà Nội(*)		67.000.000.000		67.000.000.000
Cộng		77.000.244.536		77.000.244.536

(*) Là khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội theo hợp đồng số 995/2011/HĐHTKD ngày 25 tháng 5 năm 2011 về việc hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh khu nhà hỗn hợp tại dự án 108 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

13. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long	(2.073.343.058)	(8.200.000.000)
Cộng	(2.073.343.058)	(8.200.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Chi phí trả trước dài hạn

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ
- Lợi thế vị trí địa lý quyền sử dụng đất Số 2 Đại Cồ Việt
- Chi phí sửa chữa
- Chi phí khác

Cộng

Số cuối kỳ	Số đầu năm
1.857.177.563	1.978.921.433
4.102.409.205	4.430.797.728
12.473.646.990	14.215.085.767
28.293.236	16.359.058
18.461.526.994	20.641.163.986

15. Lợi thế thương mại

Số đầu năm	Số phát sinh tăng	Số kết chuyển vào chi phí	Giảm khác (*)	Số cuối kỳ
- Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	866.849.146.991	46.379.120.647	-	820.470.026.344
- Công ty Cổ phần Dầu tư Minh Nguyên	290.113.850.089	15.038.157.662	230.992.343	274.844.700.084
- Công ty Cổ phần Xây dựng Hà Tây	104.752.122.618	3.063.502.249	2.449.767.363	99.238.853.006
- Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	42.264.385.037	2.216.246.354	8.194.964	40.039.943.719
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào	92.999.107.920	2.300.027.797	3.153.182.636	87.545.897.487
- Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 118 – Momota (Trước đây là Công ty Cổ phần Dầu tư và Xây dựng hạ tầng Alphanam)	94.831.003.337	4.991.105.439	-	89.839.897.898
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Đồng Á	40.283.903.565	3.039.711.399	202.620.017	37.041.572.149
Cộng	1.532.093.519.557	77.027.871.547	6.044.757.323	1.449.020.890.687

(*): Giảm khác do phân bổ lợi thế thương mại cho các cổ đông thiểu số.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

16. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	337.859.038.208	525.304.178.412
- Vay ngân hàng	330.833.535.531	520.537.408.412
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	58.249.199.845	63.383.324.451
+ Ngân hàng TMCP Quân đội	162.028.561.739	250.920.624.535
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hà Nội	-	37.265.000
+ Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam	35.845.806.833	41.862.653.985
+ Vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	10.000.000.000	51.673.690.457
+ Công ty CP chứng khoán Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam	-	2.178.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương	64.709.967.114	110.481.849.984
- Vay đối tượng khác	7.025.502.677	4.766.770.000
+ Công ty CP thiết kế Salvador Perez Arroyo và cộng sự	900.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long	300.000.000	2.306.000.000
+ Công ty CP Alphanam - Cienco 4	40.000.000	-
+ Bà Nguyễn Thị Kim Ngân	1.200.000.000	1.200.000.000
+ Bà Đỗ Thị Minh Anh	260.770.000	260.770.000
+ Các tổ chức cá nhân khác	4.324.732.677	1.000.000.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	5.028.319.373	17.148.812.642
- Vay dài hạn đến hạn trả	4.598.190.507	352.767.967
- Nợ dài hạn đến hạn trả	430.128.866	16.796.044.675
Cộng	342.887.357.581	542.452.991.054

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	23.796.477.313	29.446.508.281
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	13.353.609	293.342.455
- Thuế xuất, nhập khẩu	515.374.254	365.038.678
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.471.452.884	5.608.998.916
- Thuế thu nhập cá nhân	1.931.225.859	1.704.673.946
- Thuế tài nguyên	10.184.700	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	14.927.094	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.078.813	5.078.813
Cộng	29.758.074.526	37.423.641.089

18. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí thuê văn phòng	298.485.454	-
- Chi phí sử dụng hạ tầng và thuê đất	1.038.333.110	-
- Chi phí lãi vay	130.063.908	803.670.402
- Chi phí công trình - Gói thầu A7- Đường cao tốc Nội Bài -Lào Cai	15.587.184.277	12.755.050.087
- Chi phí khác	1.148.923.731	5.876.426.903
Cộng	18.202.990.480	19.435.147.392

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tài sản thừa chờ giải quyết	29.291.346	36.924.238
- Kinh phí công đoàn	2.962.239.291	2.850.266.568
- Bảo hiểm xã hội	886.041.394	198.875.992
- Bảo hiểm y tế	173.516.094	98.585.245
- Bảo hiểm thất nghiệp	67.862.353	36.122.136
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.178.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	119.138.783.591	113.029.358.383
+ Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Khu đô thị mới Hà Nội (*)	78.756.480.000	78.756.480.000
+ Nguyễn Tuấn Hải	26.723.547.294	15.504.468.336
+ Các đối tượng khác	13.658.756.297	18.768.410.047
Cộng	130.435.734.069	116.250.132.562

(*): Là tiền nhận bồi thường, hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đất tại xã Xuân Đình và xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, Hà Nội của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hạ tầng Alphanam (nay là Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 118 - Momota) đang chờ ý kiến giải quyết của các cơ quan Ban ngành.

20. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn	39.040.865.187	33.737.696.954
- Vay ngân hàng	39.040.865.187	33.737.696.954
+ Ngân hàng TMCP Quân đội	6.837.865.193	8.427.696.960
+ Ngân hàng TMCP đầu tư và Phát triển Việt Nam	3.039.999.994	3.039.999.994
+ Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam	29.163.000.000	22.270.000.000
- Trái phiếu phát hành	-	-
Nợ dài hạn	2.072.249.157	1.989.349.157
- Thuê tài chính	2.072.249.157	1.989.349.157
- Nợ dài hạn khác	-	-
Cộng	41.113.114.344	35.727.046.111

21. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
Số dư đầu năm	18.026.488.786	20.713.989.154
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	-
- Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	(527.542.593)	(2.303.747.127)
Số dư cuối kỳ	17.498.946.193	18.410.242.027

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM
 Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

22. Vốn chủ sở hữu
a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	645.844.130.000	74.155.820.000	3.567.681.573	4.649.596.131	435.087.979	5.914.670.142	107.685.880.065	842.252.865.890
Tăng vốn trong năm nay	1.279.000.000.000	-	-	-	-	-	-	1.279.000.000.000
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	-	(144.861.952.785)	(144.861.952.785)
Tăng do sát nhập	-	-	-	-	-	-	1.340.065.098	1.340.065.098
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	(3.567.681.573)	-	-	-	-	(3.567.681.573)
Số dư cuối năm trước	1.924.844.130.000	74.155.820.000	-	4.649.596.131	435.087.979	5.914.670.142	(35.836.007.622)	1.974.163.296.630
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	(103.569.761.577)	(103.569.761.577)
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.924.844.130.000	74.155.820.000	-	4.649.596.131	435.087.979	5.914.670.142	(139.405.769.199)	1.870.593.535.053

WNA - 2023/011

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Vốn góp của các đối tượng khác	1.924.844.130.000	1.924.844.130.000
Cộng	1.924.844.130.000	1.924.844.130.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.924.844.130.000	645.844.130.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	1.279.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	1.924.844.130.000	1.924.844.130.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

e. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	192.484.413	192.484.413
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	192.484.413	192.484.413
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>192.484.413</i>	<i>192.484.413</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	192.484.413	192.484.413
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>192.484.413</i>	<i>192.484.413</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
- Doanh thu bán hàng hóa	315.977.055.951	243.319.097.007
- Doanh thu bán thành phẩm	159.324.661.250	42.790.745.904
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.472.839.813	6.072.963.811
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	147.363.469.323	-
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	103.749.837.106	63.782.635.767
Cộng	738.887.863.443	355.965.442.489

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
- Chiết khấu thương mại	-	1.735.819.360
- Giảm giá hàng bán	957.688.165	-
- Hàng bán bị trả lại	868.547.561	3.774.768.095
Cộng	1.826.235.726	5.510.587.455

03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	314.161.409.839	241.668.457.812
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	159.314.071.636	38.930.797.644
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	12.472.839.813	6.072.963.811
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	147.363.469.323	-
- Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	103.749.837.106	63.782.635.767
Cộng	737.061.627.717	350.454.855.034

04. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	303.346.828.883	238.300.074.041
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	150.255.224.133	29.833.046.804
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.890.823.720	4.433.865.682
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	101.639.074.524	52.032.698.979
- Giá vốn kinh doanh bất động sản	125.403.175.304	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	1.793.247.976
Cộng	686.535.126.564	326.392.933.482

05. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.235.780.107	347.916.391
- Lãi đầu tư mua bán chứng khoán	280.218	3.450.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	578.987.644	553.112.613
- Lãi bán hàng trả chậm	932.607.572	267.795.740
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	224.097
Cộng	2.747.655.541	1.172.498.841

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
- Lãi tiền vay	30.384.107.146	24.686.596.204
- Chiết khấu thanh toán lãi bán hàng trả chậm	-	45.111.569
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	931.800.286
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	707.387.022	429.635.670
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.817.121	-
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(6.126.637.342)	(1.582.844.286)
Cộng	24.973.673.947	24.510.299.443

07. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
- Chi phí quản lý tại công ty mẹ và các công ty con	27.066.094.736	13.096.300.712
- Lợi thế thương mại	77.027.871.547	3.739.856.109
Cộng	104.093.966.283	16.836.156.821

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	2.095.064.452	910.285.350
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ	-	77.812.033
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.095.064.452	988.097.383

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(527.542.593)	(2.303.747.127)
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	(527.542.593)	(2.303.747.127)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(103.569.761.577)	(45.653.077.326)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(103.569.761.577)	(45.653.077.326)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	192.484.413	68.117.562
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(538)	(670)

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	182.177.158.300	111.051.549.318
- Chi phí nhân công	40.284.619.674	15.300.866.686
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.682.485.066	3.291.304.347
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	90.554.093.744	20.448.392.316
- Chi phí khác bằng tiền	10.571.133.321	7.356.404.776
Cộng	333.269.490.105	157.448.517.443

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Chuyển từ công nợ phải thu khác sang đầu tư cho vay	10.460.000.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Giao dịch với các bên liên quan**

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc		
- Vay tiền	-	18.095.000.000
- Trả tiền vay	-	18.095.000.000
- Ứng trước tiền mua quyền sử dụng đất và công trình trên đất tại 79 Mai Hắc Đế	27.710.000.000	-
Các cá nhân khác		
Trả tiền vay	-	3.003.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Đơn vị tính: VND</u> <u>Số đầu kỳ</u>
- Trả trước cho người bán	27.710.000.000	-
- Phải trả ngắn hạn khác	26.723.547.294	15.504.468.336
- Vay ngắn hạn	260.770.000	-
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:		
	<u>Từ 01/01/2013</u> <u>đến 30/6/2013</u>	<u>Từ 01/01/2012</u> <u>đến 30/6/2012</u>
Tiền lương	480.000.000	690.000.000
Cộng	<u>480.000.000</u>	<u>690.000.000</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam	Công ty liên kết
- Công ty CP Sao đỏ Đà Nẵng	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long	Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam Cơ điện nắm giữ 9,01% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Từ 01/01/2013</u> <u>đến 30/6/2013</u>	<u>Từ 01/01/2012</u> <u>đến 30/6/2012</u>
Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam		
- Thanh toán tiền mua hàng	1.399.577.040	-
- Bán hàng và cung cấp dịch vụ	723.610.836	6.168.325.019
- Chiết khấu bán hàng	-	657.659.492
- Mua hàng và sử dụng dịch vụ	-	4.023.205.174
Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long		
- Bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.716.450.690	-
- Mua hàng	402.098.985	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam		
- Phải thu khách hàng	420.627.038	10.955.227.374
- Phải thu khác	-	10.884.302.924
		70.924.450
Công ty CP Viễn Thông Thăng Long		
- Phải thu khách hàng	2.430.432.548	-
- Phải thu khác	37.063.691	-
	2.393.368.857	-
Cộng nợ phải thu	<u>2.851.059.586</u>	<u>10.955.227.374</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	117.437.770	10.302.932.854
- Phải trả người bán	67.437.770	8.903.355.814
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	50.000.000	1.399.577.040
Công ty CP Viễn thông Thăng Long	625.935.361	2.306.000.000
- Phải trả người bán	315.942.388	-
- Vay và nợ ngắn hạn	300.000.000	2.306.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.992.973	-
Cộng nợ phải trả	743.373.131	12.608.932.854

02. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh, báo cáo bộ phận thứ yếu là theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: bán thành phẩm sơn, bộ mỳ, bao bì;
- Lĩnh vực thương mại: bán hàng hóa các loại;
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản;
- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ;
- Lĩnh vực xây dựng.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

HH
12/12

SĐKH
T.Đ.Ư.Đ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

					Đơn vị tính: VND	
					Cộng	
Trong kỳ này						
Thương mại	Sản xuất	Dịch vụ	Bất động sản	Xây dựng		
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	314.161.409.839	159.314.071.636	12.472.839.813	147.363.469.323	103.749.837.106	737.061.627.717
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	367.316.463.675	181.859.341.466	8.101.446.052	151.521.122.862	123.667.726.875	832.466.100.930
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(53.155.053.836)	(22.545.269.830)	4.371.393.761	(4.157.653.539)	(19.917.889.769)	(95.404.473.213)
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	89.713.636	1.972.711.264	-	-	-	2.062.424.900
Số dư cuối kỳ						
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.089.182.326.607	1.017.773.959.500	42.060.137.224	532.569.656.082	387.613.101.956	3.069.199.181.369
- Tài sản không phân bổ						26.728.456.536
Tổng tài sản	1.089.182.326.607	1.017.773.959.500	42.060.137.224	532.569.656.082	387.613.101.956	3.095.927.637.905
- Nợ phải trả bộ phận	424.321.421.504	199.263.850.378	29.165.361.044	223.330.829.845	177.131.228.494	1.053.212.691.265
- Nợ phải trả không phân bổ						2.712.180.754
Tổng nợ phải trả	424.321.421.504	199.263.850.378	29.165.361.044	223.330.829.845	177.131.228.494	1.055.924.872.019

Khu vực địa lý: Toàn bộ hoạt động của Công ty chi diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

03. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Đơn vị tính: VND

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.728.456.536	36.628.586.637	26.728.456.536	36.628.586.637
Phải thu khách hàng và phải thu khác	415.762.292.627	579.162.572.940	326.331.788.417	490.556.168.133
Đầu tư ngắn hạn	72.464.407.344	72.499.815.478	72.461.620.144	72.497.047.878
Đầu tư dài hạn khác	77.000.244.536	77.000.244.536	74.926.901.478	68.800.244.536
Cộng	591.955.401.043	765.291.219.591	500.448.766.575	668.482.047.184
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	384.000.471.925	578.180.037.165	384.000.471.925	578.180.037.165
Phải trả cho người bán và phải trả khác	328.904.634.837	335.827.244.467	328.904.634.837	335.827.244.467
Chi phí phải trả	18.202.990.480	19.435.147.392	18.202.990.480	19.435.147.392
Cộng	731.108.097.242	933.442.429.024	731.108.097.242	933.442.429.024

04. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

03462
NHÂN
TY T
TU
H KẾ
EM TO
VIỆ
Y - T

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**05. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	192.035.686.917	-	-	192.035.686.917
Vay và nợ	342.887.357.581	41.113.114.344	-	384.000.471.925
Chi phí phải trả	18.202.990.480	-	-	18.202.990.480
Các khoản phải trả khác	130.435.734.069	6.433.213.851	-	136.868.947.920
Cộng	683.561.769.047	47.546.328.195	-	731.108.097.242
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	212.755.360.040	-	-	212.755.360.040
Vay và nợ	542.452.991.054	35.727.046.111	-	578.180.037.165
Chi phí phải trả	19.435.147.392	-	-	19.435.147.392
Các khoản phải trả khác	116.250.132.562	6.821.751.865	-	123.071.884.427
Cộng	890.893.631.048	42.548.797.976	-	933.442.429.024

06. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

07. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 đã được soát xét và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

08. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giá định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

09. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Trong kỳ, Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam thực hiện chuyển nhượng 19.850.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam cho Ông Nguyễn Hữu Việt với giá chuyển nhượng là 27.095 đồng/cổ phiếu theo hợp đồng nguyên tắc số 23/HĐCP/DT-NHV ngày 27 tháng 6 năm 2013. Đến ngày 07 tháng 08 năm 2013, Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam và Ông Nguyễn Hữu Việt đã có thỏa thuận về việc hủy và không thực hiện hợp đồng chuyển nhượng nêu trên. Do vậy, giao dịch chuyển nhượng cổ phần này không được thực hiện trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Trong kỳ, Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam thực hiện chuyển nhượng 2.190.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên cho Ông Nguyễn Tuấn Anh với giá chuyển nhượng là 34.730 đồng/cổ phiếu theo hợp đồng nguyên tắc số 24/HĐCP/DO-NTA ngày 27 tháng 6 năm 2013. Đến ngày 09 tháng 08 năm 2013, Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam và Ông Nguyễn Tuấn Anh đã có thỏa thuận về việc hủy và không thực hiện hợp đồng chuyển nhượng nêu trên. Do vậy, giao dịch chuyển nhượng cổ phần này không được thực hiện trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Những thông tin khác

Trong kỳ kế toán, Công ty đã công bố thông tin về việc thực hiện các thủ tục hủy niêm yết tự nguyện cổ phiếu ALP tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thương niên năm 2013 số 01.2013/ĐHCD ngày 25 tháng 5 năm 2013 đã thông qua phương án hủy niêm yết tự nguyện tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Kế toán trưởng



Bùi Kim Yến

Hưng Yên, ngày 20 tháng 8 năm 2013

Tổng Giám đốc



Bùi Hoàng Tuấn